

Ý NGHĨA BIỂU TƯỢNG CỦA KIỂU THỨC “HÓA” TRONG TRANG TRÍ MỸ THUẬT THỜI NGUYỄN Ở HUẾ.

HOÀNG PHÚC QUÝ

Tóm tắt:

Trong lịch sử triều đại phong kiến Việt Nam, nhà Nguyễn (1802 – 1945) không chỉ để lại những di sản văn hóa có giá trị to lớn mà còn đóng góp những thành tố quan trọng có vai trò nền tảng cho mỹ thuật. Đó là những kiểu thức trang trí “hóa” được bắt gặp trong các công trình kiến trúc thời Nguyễn tại Huế. Kiểu thức “hóa” được hiểu là sự biến chuyển các hình tượng từ dạng này sang dạng khác tạo ra sự liên tưởng trong tạo hình. Kiểu thức này đã tạo nên những biến thể độc đáo, phong phú góp phần phá đi những cảm giác đơn điệu, nhàm chán, lặp lại trong nghệ thuật trang trí kiến trúc thời Nguyễn. Việc giải mã các kiểu thức “hóa” góp phần tìm ra những thông điệp vô ngôn của biểu tượng về một thời kỳ lịch sử cũng như thẩm mỹ của một giai đoạn.

Từ khóa: Biểu tượng, kiểu thức “hóa”, nghệ thuật trang trí kiến trúc, mỹ thuật thời Nguyễn

Nằm ở vùng duyên hải miền Trung, Huế được biết đến là kinh đô triều Nguyễn (1802-1945) và mang trong mình một di sản văn hoá có bề dày lịch sử và nghệ thuật. Bên cạnh những di sản văn hóa có giá trị to lớn, triều Nguyễn còn đóng góp những thành tố quan trọng có vai trò nền tảng của mỹ thuật. Đó là những kiểu thức trang trí mang thuộc tính “hóa” được bắt gặp nhiều nơi ở xứ Huế. Đây là kiểu thức mang triết lý nhân sinh, thể hiện khát vọng của triều đại và con người hướng đến cuộc sống bình yên, hài hòa với thiên nhiên.

Trong kiến trúc thời Nguyễn, kiểu thức hoá đóng vai trò quan trọng trong việc trang trí và tạo điểm nhấn riêng cho các công trình. Không chỉ đơn thuần là nghệ thuật trang trí và kiểu thức “hoá” còn một loại ngôn ngữ tạo hình đặc biệt được sử dụng để truyền tải thông điệp với ý nghĩa sâu sắc. Hệ thống đề tài, biểu trưng trong từng kiểu thức mang tính quy phạm khắt khe của phong kiến, song bằng thủ pháp cách điệu, chuyển hóa, các nghệ nhân xưa đã có thể kết hợp và biến chuyển các hình thể với nhau từ dạng này sang dạng khác, từ hình thể này qua hình thể khác tạo nên khí chất, thần thái riêng và thể hiện trí

tượng tượng phong phú, bay bổng gắn với tâm thức, khát vọng và ước mong hạnh phúc của người dân Việt.

Trong nghệ thuật trang trí kiến trúc thời Nguyễn thì việc giải mã các biểu tượng là rất quan trọng, góp phần trong việc giải mã ngôn ngữ của các kiểu thức “hóa”. Khi tiếp cận kiểu thức “hóa” trong trang trí kiến trúc thời Nguyễn, cái đầu tiên tiếp nhận vào thị giác chính là các biểu tượng, kiểu thức trên kiến trúc để rồi thôi thúc bản thân muốn tìm ra, lý giải được những ẩn số đằng sau nó. Việc vận dụng thuyết giải mã biểu tượng sẽ là bước đầu suy diễn và giả định - suy luận, đồng thời cũng là cơ sở khoa học để tìm hiểu ý nghĩa của các kiểu thức “hóa” trong nghệ thuật trang trí kiến trúc thời Nguyễn tại Huế, mỗi sự sắp đặt của các kiểu thức trang trí trên bố cục kiến trúc chuyên trở bên trong nó những thông điệp gì.

1. Kiểu thức “hóa” trong mỹ thuật thời Nguyễn tại Huế.

Do đặc điểm điều kiện tự nhiên khiến Huế trở thành trung tâm dòng chảy văn hóa Bắc- Nam. Đây không chỉ là nơi tiếp biến, chuyển hóa nghệ thuật truyền thống và tân thời mà còn có sự giao thoa giữa nhiều nền văn hóa. Chính điều này đã tạo ra những tác động, dấu ấn trong quá trình thanh lọc, biểu hiện của nhiều loại hình nghệ thuật. Mỹ thuật thời Nguyễn đã đạt đến những đỉnh cao chứa đựng nhiều giá trị thẩm mỹ. Việc sử dụng các biểu trưng trong kiểu thức hóa để trang trí có ý nghĩa về mặt nhân văn lớn lao, điều này phản ánh rõ văn hóa Huế luôn vận động, có chiều sâu không chỉ về mặt thẩm mỹ mà còn nêu bật văn hóa vùng miền đậm nét.

Ở mỹ thuật thời Nguyễn tại Huế các kiểu thức “hóa” mang một nét đặc trưng khá riêng biệt. Góc độ xử lý đường nét, motif, nhịp điệu, màu sắc và cả chất liệu đều mang nét độc đáo, điêu luyện của người nghệ nhân. Từng đồ án trang trí sẽ có những kiểu thức hóa phù hợp với nội dung, địa vị cũng như ý nguyện của chủ nhân để tạo ra hiệu quả văn hóa – tâm linh trong một thể thống nhất trọn vẹn. Thông qua mỹ thuật thời Nguyễn có thể thấy được quan niệm sống hòa mình vào thiên nhiên, trời đất luôn được đề cao. Vì lẽ đó mà vô hình chung giữa con người và thực vật – động vật luôn có sự gắn kết, chuyển hóa,

biến chuyển không ngừng trong từng kiểu thức, biểu trưng. Dưới sự tài hoa của đôi bàn tay và trí óc người nghệ nhân đã thổi hồn vào những hình ảnh rất đời thường như: cỏ, cây, hoa, lá, chim, thú... bằng thủ pháp “hóa” để tạo hình ra những kiểu thức xuất hiện dưới nhiều hình dạng khác nhau hội tụ lại thành một thế giới tâm linh, tinh thần phong phú trong đời sống văn hóa Việt Nam.

Kiểu thức “hóa” trong mỹ thuật thời Nguyễn được xuất hiện với mật độ khá dày đặc từ cung đình cho đến dân gian. Chính điều này đã khiến kiểu thức hóa thời kì này rất đa dạng với nhiều cách thức thể hiện, tạo hình và ý nghĩa. Dưới bàn tay tài hoa của người nghệ nhân đã đưa các biểu tượng “hóa” được thể hiện đầy đủ dưới nhiều chất liệu như: nề đắp nổi, nề họa, sơn son thiếp vàng, chạm khắc, khảm sành sứ, pháp lam... thể hiện được tính thẩm mỹ, và công năng sử dụng của từng chất liệu trong từng đồ án trang trí.

Trong tổng thể những đề tài trang trí thời Nguyễn mang đậm tư duy của người Việt, việc sử dụng ý nghĩa của cây cỏ, hoa lá, muông thú để lồng vào những thông điệp khiến các motif hoa văn trang trí được lồng ghép sự đa nghĩa một cách đầy ẩn ý. Các đề tài “hóa” đặc trưng như: rồng, phụng, rùa, dơi, lân,... luôn được lồng ghép trong hình ảnh thiên nhiên phản ánh về ý thức hệ về hài hòa giữa thiên nhiên, muông thú và con người. Từng biểu trưng trong trang trí chính là sự phô diễn về tính cách cũng như tâm tư, ước vọng của chủ thể và được khai phóng trong sự biến hóa khôn lường của các kiểu thức “hóa”.

Mỗi chủ đề, kiểu thức thể hiện trong trang trí thời Nguyễn đều gần như mang một lúc nhiều chức năng. Các chủ đề đó không phải là những bản giải trình logic hay chân thực tuyệt đối, mà tính ước lệ, biến đổi, đơn giản hóa, ký hiệu hóa. Đôi khi, chúng là sự điều chỉnh, tác động của thời gian, sự giao lưu, tiếp biến, hoặc thậm chí là năng khiếu khái quát hoặc thiên hướng thẩm mỹ của các nghệ nhân thể hiện, làm chúng xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Ngôn ngữ biểu tượng cũng từ yếu tố ấy, nhiều khi bị mờ đi ý nghĩa cũ và sáng lên những cảm nhận mới, nhưng tư tưởng nhất quán chủ đạo vẫn là những ước vọng của con người

2. Tính biểu tượng của kiểu thức “hóa” trong mỹ thuật thời Nguyễn

Với các kiểu thức “hóa” trong mỹ thuật thời Nguyễn thì thuyết giải mã biểu tượng là một trong những lý thuyết rất quan trọng, góp phần trong việc giải mã ngôn ngữ các kiểu thức một cách chính thống, hiệu quả, chính xác. Để giải mã được những kiểu thức “hóa” đòi hỏi phải có một hệ thống những tư liệu và bề dày trong quá trình nghiên cứu thực địa. Lý thuyết này cũng được nhiều nhà nhân học, nhà nghiên cứu ở phương Tây sử dụng trong các vấn đề bàn luận và giải thích các biểu tượng về văn hoá, trong đó có lĩnh vực về nghệ thuật. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Thông nhận định về vai trò và tầm quan trọng của việc giải mã biểu tượng văn hóa, mỹ thuật: “Càng ngày thì con người không chỉ trở lại ưa chuộng các biểu tượng, mà dần muốn hay không, trong mọi hoạt động của ý thức lẫn vô thức biểu hiện bằng tư duy hay hành vi, chúng ta đều diễn tả những hoạt động ấy bằng việc sử dụng các biểu tượng. Có thể đó là những biểu hiện liên quan đến hình ảnh, âm thanh, mùi hương, con số, màu sắc... nhưng khi trở thành biểu tượng, chúng trở thành chiếc chìa khóa quan trọng mở ra cánh cửa của đời sống, trong đó, các hành vi tôn giáo, ước vọng, hoài bão, những điều dấu kín trong tiềm thức, những xu hướng, ức chế... của một cộng đồng hay cá nhân đều ẩn hiện dưới rất nhiều trạng huống “Bộc lộ rồi lại trốn; càng tự phơi bày sáng tỏ, nó càng tự giấu mình đi; nói như Georges Gurvitch, các biểu tượng tiết lộ mà che giấu và che giấu mà tiết lộ” [4,tr49]. Qua đó có thể thấy được vai trò của việc giải mã biểu tượng trong nghiên cứu các kiểu thức “hóa” trong mỹ thuật thời Nguyễn, lý thuyết này được xem là một công cụ hỗ trợ trong việc giải mã các ý nghĩa ẩn dụ trên các kiểu thức “hóa”. Trong mỗi kiểu thức trang trí ngoài giá trị thẩm mỹ của nó được thừa nhận, còn có những biểu đạt, hoài bão, ước vọng muốn gửi gắm qua tác phẩm. Nguyễn Hữu Thông cho rằng: “Nhiều dạng hoa văn, hồi văn, tương như thuần trang trí hoặc bổ sung cho các chủ đề khác, nhằm tạo nên sự chặt chẽ cho bố cục, nhưng thật ra, chúng làm nhiệm vụ chuyển tải những khát vọng bộc phát của con người, khiến chúng phải có, cần có, và luôn luôn hiện diện ở khắp mọi nơi. Bởi, trong ý thức lẫn tiềm thức, người ta thường xuyên tìm dịp, hoặc phương tiện để biểu đạt ý nguyện tiềm ẩn bằng những loại ngôn ngữ mang tính biểu tượng.” [4,tr52]

Khi tiếp cận kiểu thức “hóa” trong mỹ thuật thời Nguyễn, cái đầu tiên tiếp nhận vào thị giác chính là các biểu tượng, để rồi thôi thúc bản thân muốn tìm ra, lý giải được những ẩn số đằng sau nó. Đó là những thông điệp của biểu tượng về một thời kỳ lịch sử, những giá trị thẩm mỹ một thời. Như trong “Mỹ thuật Nguyễn” tác giả Nguyễn Hữu Thông cho rằng: “Ý nghĩa và biểu tượng mỗi họa tiết trong trang trí luôn mang trong mình chức năng biểu đạt cả một hệ thống quan niệm, sở thích, xu hướng, ước vọng, nỗi niềm của con người, và tất nhiên là cả những nét đặc thù của triều đại.” [4,tr176]. Chúng gần như mang trong mình một lúc nhiều chức năng như tính trang trí, thẩm mỹ, tính ước lệ, biến đổi, ký hiệu hóa, hay có khi là sự giao lưu, tiếp biến hay thậm chí là xu hướng thẩm mỹ của người thể hiện, làm chúng xuất hiện dưới nhiều hình ảnh khác nhau. Tác giả Trần Lâm Biền nhận định về vấn đề biểu tượng trong tạo hình dân tộc: “Thực ra, trong tạo hình của người Việt, yếu tố biểu tượng, biểu trưng đã phát triển rất cao đạt đến trình độ thẩm mỹ tinh xảo phù hợp với thị hiếu xưa và nay. Biểu tượng, ở chừng mực nào đó, đầy chất Người, nó phản ánh tư duy trừu tượng, đề Hoa không chỉ là hoa, Núi không chỉ là núi, và cuối cùng lại chính là Hoa và Núi, tất cả vũ trụ, trời đất muôn loài, sông núi... chỉ có thể được xác nhận bằng chính trí tuệ của con người. Nhân loại là trung tâm, do đó biểu tượng góp một phần hòa mệnh mông vào trong tâm tưởng, và ngược lại, bằng biểu tượng con người “nghe” thấy được tiếng thầm thì của tạo hóa” [2,tr33]. Thuyết giải mã biểu tượng sẽ là bước đầu suy diễn và giả định - suy luận, đồng thời cũng là cơ sở khoa học để tìm hiểu ý nghĩa của các kiểu thức “hóa” trong mỹ thuật thời Nguyễn tại Huế, mỗi sự sắp đặt của các kiểu thức trang trí chuyên trở bên trong nó những thông điệp gì? Như vậy, kiểu thức “hóa” trong mỹ thuật thời Nguyễn không chỉ là những kiểu thức mang chức năng trang trí thông thường mà còn là sản phẩm nghệ thuật của người xưa, hàm chứa trong đó một kho tàng văn hóa, phản chiếu những ý nghĩa về nhân sinh quan, thế giới quan.

3. Ý nghĩa, chủ đề các kiểu thức “hóa” trong mỹ thuật thời Nguyễn.

Vốn sinh tụ trên vùng đất có truyền thống sản xuất nông nghiệp, cùng với tâm thức về tôn giáo tín ngưỡng, xu hướng thẩm mỹ, sinh hoạt văn hóa,... con người luôn hướng về thiên nhiên và phản ánh lối sống phù hợp với thiên nhiên. Chính vì vậy các kiểu thức “hóa”

thời Nguyễn đều xuất phát từ những hình tượng của thế giới thực vật chuyển hóa thành những dạng khác. Người nghệ nhân đã tiếp cho nó bóng hình của sự linh thiên, tính cách, từ đó thực vật có những tiếng nói riêng, thâm lặng nhưng không thiếu tính biểu tượng linh thiêng. Các kiểu thức “hoá” trong mỹ thuật thời Nguyễn là thành tố đóng vai trò tạo nên những trang trí độc đáo trong kiến trúc kinh đô Huế. Có thể kể đến kiểu thức “hoá” trong mỹ thuật thời Nguyễn được thể hiện ra phong phú đa dạng trong các đề tài dưới đây.

3.1. Đề tài thiên nhiên, vũ trụ

Thái cực: Trong văn hóa phương Đông, quan niệm “Thái cực” là nguồn gốc của mọi vật kể cả con người, là biểu tượng và chuyển hóa của âm dương. Kiểu thức bát quái vây quanh thái cực là biểu tượng cho điềm lành, hạnh phúc nên trên nóc một số công trình kiến trúc thời Nguyễn xuất hiện nhiều hình ảnh thái cực trong những kiểu thức như: bầu thái cực, lưỡng long tranh châu... được “hóa” bằng những hình tượng đám mây tạo thành.

Mặt trời - Mặt trăng (Nhật Nguyệt): Mặt trời biểu tượng cho sự thống lĩnh chủ động đối với mặt đất, mặt trời cũng biểu thị cho Hoàng đế, bản tính dương mạnh mẽ. Đối lập với mặt trời là mặt trăng, biểu tượng thuần âm ẩn dụ về phụ nữ. Hình tượng nhật nguyệt thường thấy ở kiểu thức hóa trong những đề tài như: lưỡng long triều nhật, lưỡng long triều nguyệt với quan niệm mang tính linh ứng cầu mong mưa thuận gió hòa, bình yên xã tắc.

Sơn thủy: Người xưa tin rằng, núi cũng chính là nơi tạo ra mây, mưa. Núi thuộc dương và nước thuộc âm nên sơn thủy như một cặp yếu tố tạo nên thế giới. Hình tượng sóng nước “hóa” thành tam sơn còn được gọi là tam sơn thủy ba, với các mảng sóng cuộn tròn uốn lượn như kiểu bay lên khỏi mặt nước, phía dưới là các vòng tròn từ to đến nhỏ, được chồng lên nhau tạo thành ngọn núi.

3.2. Đề tài động vật

Rồng: xuất hiện với mật độ khá nhiều trong kiến trúc thời Nguyễn cũng như trong đời sống của người dân Huế. Chính vì vậy mà hình tượng này được các nghệ nhân kế thừa, sáng tạo, phát triển trên nhiều thể loại và chất liệu. Nổi bật phải nhắc đến hình tượng rồng được chuyển hình, biến hóa với các kiểu thức: *mai hoá rồng, hoa sen hoá rồng, mẫu đơn*

hoá rồng, hoa cúc hoá rồng, hoa lan hoá rồng, cây tùng và trúc hoá rồng, cá hóa rồng, mây hóa rồng, chữ triện hóa rồng...

Lân (Kỳ lân): là biểu tượng của một triều đại vững bền có đức vua anh minh. Ở khía cạnh khác, con lân còn là sự biểu thị cho lòng trung quân, tín nghĩa. Kỳ lân cũng có lúc được mô tả có tính hóa phi phàm khi thân mình là ngựa, mình được bao phủ bằng những lớp vảy cá, có 2 sừng uốn quanh ra đằng sau. Long mã cũng là một trong những biến thể hóa của biểu tượng Kỳ lân. Trong các dạng biến hóa khác con lân cũng được kết hợp với các loại hoa, *hoa mai hóa lân, hoa mẫu đơn hóa lân, hoa cúc hóa lân*. Ngoài ra chúng ta còn bắt gặp một số **quả cũng biến hóa thành lân**.

Commented [MOU1]: Cho ví dụ

Nghê: là một con vật được hư cấu cao trong nghệ thuật tạo hình trang trí thời Nguyễn, có thể xem nó là một biến thể của con lân. Khác với hình tượng rồng thể hiện sự uy quyền của đế vương trong cung đình thì nghê là một linh vật dân gian được xuất hiện khá nhiều trong kiến trúc dân gian và cung đình.

Long mã: Một trong những kiểu thức “hóa” mang yếu tố tạo hình, thẩm mỹ cao, đặc sắc, đan xen với yếu tố tam giáo được trang trí trên các công trình kiến trúc thời Nguyễn phải kể đến là hình tượng Long mã. Các nghệ nhân đã kết hợp các hình tượng khác nhau để chuyển hóa thành Long mã với những đặc điểm như đầu rồng, thân ngựa, đuôi phụng, mang trên lưng là hộp cổ vật hay pho sách trong “bát bửu” tượng trưng cho học hành. Ở một khía cạnh khác đôi khi nó được gọi là con Giao Long, con vật giống con rồng, nhưng trên lưng lại mang những cổ đồ với các đề tài bát bửu, một biểu tượng của con Long mã. Kiểu thức “hóa” được các nghệ nhân thể hiện qua hình tượng hoa cúc được biến hóa thành con Long mã với thân hình uốn lượn từ hoa lá cành, đầu ngoảnh lại phía sau, trên lưng mang pho sách với một cây quạt buộc dải lụa thoát nhìn như gậy như ý, hay trên lưng gắn cây kiếm và cuốn thư được các nghệ nhân kết hợp đưa vào trang trí theo kiểu thức “kiếm thư” quen thuộc.

Rùa: là con vật duy nhất trong bộ đề tài tứ linh có thật nhờ những đặc tính tự nhiên đặc biệt nên được linh hóa trở thành linh thú. Nó là biểu tượng của sự hài hòa âm dương,

sự trường thọ, sự bền vững. Hình tượng rùa trong trang trí kiến trúc cung đình phản ánh một thực tế của tư tưởng nghệ thuật thời Nguyễn trong một chừng mực nhất định, hệ thống tư tưởng Nho giáo vẫn chấp nhận biến thể hóa ở một giới hạn của tinh thần Phật giáo, Lão giáo. Hình tượng rùa *ngậm hoa sen*, *sen hóa rùa* là một minh chứng cho sự tiếp nhận và cung đình hóa các yếu tố Phật giáo, Lão giáo và Nho giáo. Hoa sen “hóa” rùa được trang trí trên các bình phong, trên các vách tường với chất liệu nề đắp nổi, các nghệ nhân đã biến búp sen thành đầu rùa, lá sen úp xuống hóa thành mai rùa.

Phượng hoàng: là biểu tượng cho khát vọng cuộc sống bình yên, triều đại thái bình, thể hiện cho sự anh minh lỗi lạc của nhà vua. Trong trang trí kiến trúc thời Nguyễn, phượng hoàng xuất hiện một vài kiểu thức hóa như: *cành đào hóa chim phượng*, *hoa mẫu đơn hóa chim phượng*, *nhành cúc hóa chim phượng*, *quả mãng cầu hóa chim phượng*, *cây cung nhân thảo (loa kèn đỏ) hóa chim phượng*.

Dơi: là con vật không nằm trong tứ linh nhưng khá phổ biến trong nghệ thuật trang trí kiến trúc thời Nguyễn, là biểu tượng của sự phúc lành. Dơi thường chiếm vị trí trung tâm của một tấm nền hoặc nằm thu mình ở các góc tường. Hình ảnh dơi có rất nhiều sự phối hợp tương quan và chuyển hóa như: dơi ngậm cái khánh gọi là *Phúc Khánh* có ý nghĩa hạnh phúc và phúc lành, dơi ngậm chữ Thọ gọi là *Phúc Thọ* có ý nghĩa phúc lành và trường thọ, dơi ngậm giỏ hoa trong “bát bửu” là biểu tượng của sự hưởng thụ, phúc lành, lá hóa thành dơi gọi là *lá hóa phúc*, hoa mai hóa thành dơi gọi là *hoa mai hóa phúc*, hoa sen hóa thành dơi gọi là *sen hóa phúc*, trái quả hóa thành dơi gọi là *quả hóa phúc*, mây hóa thành dơi gọi là *vân hóa phúc*, đường hoa văn hóa thành dơi có hay không có lá kèm theo gọi là *hỏi văn hóa phúc*. Lá “hóa” dơi là kiểu thức được trang trí khá nhiều trên các công trình kiến trúc thời Nguyễn với lá biến thành đôi cánh và thân, cảm giác như một bông hoa đang nở, miệng ngậm vòng tròn, treo vào đó là một chiếc lá với hình dạng đầy liên tưởng đến chiếc khánh.

3.3. Đề tài bát bửu

Bát bửu được biết đến với những vật dụng của tiên được trang trí theo bộ với tám vật chọn lọc hoặc từng vật rồi tùy theo chức năng, ý nghĩa, vị trí và tầm quan trọng của mỗi công trình kiến trúc ở Huế. Hình tượng này là sự kết hợp đan xen của Nho giáo - Đạo giáo - Phật giáo. Hình tượng các vật trong bát bửu được trang trí kết hợp với dải lụa thanh nhã, mềm mại gọi là “bàn triền” có ý nghĩa là vui vẻ đầy đủ hoặc kết hợp với hoa lá, hoa dây gọi là “triển chi” biểu tượng cho sự phát triển lâu dài.

3.4. Đề tài chữ

Chữ hay các câu thơ câu đối là một kiểu thức trang trí độc đáo khá đặc biệt trong nghệ thuật trang trí kiến trúc thời Nguyễn. Sự kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ và hoa lá đã tạo nên kiểu thức hóa khá độc đáo của chữ viết. Chữ vạn là một trong những chữ sử dụng nhiều trong mỹ thuật thời Nguyễn với ý nghĩa biểu tượng cho sự tốt lành, ngoài ra chữ Vạn còn đồng âm với số hàng vạn với ý nghĩa của sự trường tồn. Chữ Phúc mang ý nghĩa hạnh phúc, sung sướng, chữ Phúc đôi khi được diễn đạt bằng hình ảnh con dơi ở một số kiểu thức trang trí. Chữ Thọ mang ý nghĩa trường thọ, chữ Thọ cũng được sử dụng trong một số kiểu thức trang trí kiến trúc thời Nguyễn. Chữ Lộc mang ý nghĩa giàu sang phú quý, thường được trang trí ẩn dụ thông qua hình ảnh con hươu trong trang trí kiến trúc.

Nghiên cứu về kiểu thức hoá trong mỹ thuật thời Nguyễn tại Huế không chỉ là nghiên cứu về nét đẹp thẩm mỹ mà còn là một phần quan trọng trong việc phản ánh văn hoá nghệ thuật thời Nguyễn nói riêng và dòng chảy nghệ thuật dân tộc nói chung. Sự đa dạng và phong phú trong các kiểu thức “hoá” không bị giới hạn ở một khuôn khổ nào cụ thể. Ở mỗi đồ án trang trí đều sở hữu những nét đặc trưng riêng trong một tổng thể hài hoà. Dưới bàn tay tài hoa, sự khéo léo và kỹ năng điều luyện của các nghệ nhân đã thổi hồn vào các kiểu thức như làm sống dậy những giá trị về mặt tín ngưỡng tôn giáo và truyền thống văn hoá của người Việt xưa. Sự tiếp biến văn hóa trong quá trình vận động của lịch sử vô hình chung đã mang lại tổng thể kiến trúc cung đình triều Nguyễn tại Huế một sự kết hợp

nhuần nhuyễn và hài hòa giữa kỹ thuật và mỹ thuật Đông phương – Tây phương, giữa nghệ thuật ảnh hưởng từ bên ngoài và nghệ thuật mang tính địa phương.

Việc giải mã biểu tượng các kiểu thức “hóa” trong mỹ thuật thời Nguyễn giúp nhận thấy sự kế thừa, chuyển tiếp và giao thoa với các luồng tư tưởng, văn hoá và thẩm mỹ; đồng thời cũng khẳng định giá trị tạo hình trong mỹ thuật thời kỳ này. Qua đó, nhận diện một khía cạnh hình thành nên giá trị của kiểu thức “hóa” trong mỹ thuật thời Nguyễn. Thông qua nguồn tư liệu, hiện vật, cổ vật... kết hợp với hình thức suy diễn và giả định - suy luận để tìm ra ý nghĩa chính xác của các kiểu thức “hóa”. Mỗi hình thức, bố cục và sự xuất hiện riêng biệt ở mỗi công trình ẩn chứa đằng sau những nội hàm ý nghĩa. Điều này sẽ giúp làm sáng tỏ các ẩn mã về các kiểu thức “hóa” từ đó mà vận dụng, sử dụng các biểu trưng này đúng nơi, đúng mục đích phù hợp với từng đồ án trang trí. Đây không chỉ là cơ hội để tôn vinh những giá trị thẩm mỹ mà còn là cơ hội để bảo tồn, gìn giữ và phát triển di sản văn hóa này cho thế hệ sau.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. B.A.V.H (2017), *Những người bạn cố đô Huế*, tập VI A, Nxb Thuận Hóa, Huế.
2. Trần Lâm Biền (2001), *Trang trí trong mỹ thuật truyền thống của người Việt*, Nxb Văn hóa Dân tộc - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội.
3. Vĩnh Phối (1999), *Những kiểu thức trang trí Huế, tập san Nghiên cứu Huế*, số 1, Trung tâm nghiên cứu Huế.
4. Nguyễn Hữu Thông (2001), *Mỹ thuật Huế nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
5. Nguyễn Hữu Thông (2019), *Mỹ thuật Nguyễn*, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Họ và tên: Hoàng Phúc Quý

Chức danh: Nghiên cứu sinh, Thạc sĩ Nghệ thuật thị giác

Đơn vị công tác: Trường đại học Nghệ Thuật, Đại học Huế.

Địa chỉ liên lạc: 89 Bao Vinh, Phường Hương Vinh, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Số điện thoại: 0914 351 357

Email: hoangphucquy@gmail.com